https://doi.org/10.66270/vap26.v14.n4.20

PSYCHOLOGICAL COUNSELING SKILLS AMONG SCHOOL PSYCHOLOGY PERSONNEL AT HIGH SCHOOLS IN HO CHI MINH CITY

Tran Quang Thai
INSPIRE LIFE Co., Ltd.

Received: June 8, 2026
Accepted: July 20, 2026

Abstract: *This study examined the current status of psychological counseling skills among school psychology personnel at upper secondary schools in Ho Chi Minh City. A questionnaire survey was conducted with 75 school psychology personnel working at high schools. The study focused on six basic skill groups: relationship-building, questioning, observation, listening, empathy, and responding. Data were analyzed using descriptive statistics, including means, standard deviations, and percentages. The results showed that participants' psychological counseling skills were rated at a fairly good level (M = 2.86; SD = 0.37). Relationship-building received the highest rating (M = 3.06), followed by observation (M = 3.00) and questioning (M = 2.97). Feedback had the lowest mean score (M = 2.50), reaching only the moderate threshold. The findings indicate that school psychology personnel are able to apply counseling skills in supporting students in practice, but limitations remain in more advanced skills such as empathic understanding and feedback. Based on these findings, the article proposes several directions for strengthening psychological counseling competence among school psychology personnel at upper secondary schools.*

Keywords: *School psychological counseling; Counseling skills; School psychology personnel; High schools; Students.*

THỰC TRẠNG KỸ NĂNG THAM VẤN TÂM LÝ CỦA CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Quang Thái
Công ty TNHH INSPIRE LIFE.

Ngày nhận bài: 8/6/2026
Ngày duyệt đăng bài: 20/7/2026

Tóm tắt: *Nghiên cứu nhằm khảo sát thực trạng kỹ năng tham vấn tâm lý của cán bộ tâm lý học đường tại các trường trung học phổ thông ở Thành phố Hồ Chí Minh. Khảo sát được thực hiện trên 75 cán bộ tâm lý học đường đang công tác tại các trường trung học phổ thông bằng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Nội dung nghiên cứu tập trung vào sáu nhóm kỹ năng cơ bản gồm: kỹ năng thiết lập mối quan hệ, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng quan sát, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thấu hiểu và kỹ năng phản hồi. Dữ liệu được xử lý bằng các phương pháp thống kê mô tả thông qua điểm trung bình, độ lệch chuẩn và tỷ lệ phần trăm. Kết quả cho thấy kỹ năng tham vấn tâm lý của cán bộ tâm lý học đường được đánh giá ở mức khá (ĐTB = 2,86; ĐLC = 0,37). Trong số các kỹ năng, kỹ năng thiết lập mối quan hệ được đánh giá cao nhất (ĐTB = 3,06), tiếp đến là kỹ năng quan sát (ĐTB = 3,00) và kỹ năng đặt câu hỏi (ĐTB = 2,97). Kỹ năng phản hồi có điểm trung bình thấp nhất (ĐTB = 2,50), chỉ đạt ngưỡng trung bình. Kết quả nghiên cứu cho thấy đội ngũ cán bộ tâm lý học đường đã có khả năng vận dụng các kỹ năng tham vấn trong thực tiễn hỗ trợ học sinh, tuy nhiên vẫn còn những hạn chế nhất định ở các kỹ năng chuyên sâu như thấu hiểu và phản hồi. Từ kết quả nghiên cứu, bài báo đề xuất một số định hướng nhằm nâng cao năng lực tham vấn tâm lý cho cán bộ tâm lý học đường tại các trường trung học phổ thông.*

Từ khóa: *Tham vấn tâm lý học đường; Kỹ năng tham vấn; Cán bộ tâm lý học đường; Trung học phổ thông; Học sinh.*

1. Đặt vấn đề

Sức khỏe tâm thần của học sinh đang trở thành một trong những vấn đề được quan tâm trong lĩnh vực giáo dục trên toàn thế giới. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (World Health Organization

[WHO], 2021), khoảng 13% thanh thiếu niên từ 10 đến 19 tuổi đang gặp các vấn đề liên quan đến sức khỏe tâm thần, trong đó lo âu, trầm cảm và các rối loạn hành vi là những khó khăn phổ biến nhất. Các vấn đề này không chỉ ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý mà còn tác động tiêu cực đến kết quả học tập, khả năng thích ứng xã hội và chất lượng cuộc sống của học sinh.

Tại Việt Nam, cùng với những thay đổi của bối cảnh kinh tế - xã hội, học sinh trung học phổ thông phải đối mặt với nhiều áp lực liên quan đến học tập, thi cử, định hướng nghề nghiệp, các mối quan hệ xã hội và sự phát triển bản thân. Nhiều nghiên cứu cho thấy học sinh phổ thông hiện nay có nguy cơ gặp các vấn đề như căng thẳng tâm lý, lo âu, trầm cảm, bạo lực học đường và các hành vi nguy cơ khác (Huỳnh Văn Sơn, 2019). Điều này đặt ra yêu cầu cần tăng cường các hoạt động hỗ trợ tâm lý trong nhà trường nhằm giúp học sinh vượt qua khó khăn và phát triển toàn diện.

Nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ trợ tâm lý cho học sinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 12 năm 2017 về hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông. Theo đó, công tác tư vấn tâm lý được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng của nhà trường nhằm hỗ trợ học sinh phòng ngừa, phát hiện và giải quyết các khó khăn về tâm lý, học tập và các vấn đề trong cuộc sống. Trong bối cảnh đó, tham vấn tâm lý học đường được xem là một hoạt động chuyên môn cốt lõi nhằm hỗ trợ học sinh nhận diện vấn đề, phát triển khả năng tự giải quyết khó khăn và nâng cao năng lực thích ứng với môi trường học tập cũng như cuộc sống.

Mặc dù Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT sử dụng thuật ngữ "tư vấn tâm lý" để chỉ hoạt động hỗ trợ tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông, song trong lĩnh vực tâm lý học, hai khái niệm tư vấn tâm lý và tham vấn tâm lý có phạm vi và cách tiếp cận khác nhau. Tư vấn tâm lý thường được hiểu là quá trình cung cấp thông tin, định hướng hoặc gợi ý nhằm hỗ trợ cá nhân giải quyết một vấn đề cụ thể. Trong khi đó, tham vấn tâm lý là một quá trình tương tác nghề nghiệp giữa nhà tham vấn và thân chủ, trong đó người tham vấn sử dụng các kỹ năng chuyên môn để giúp thân chủ nhận diện vấn đề, khám phá nguồn lực bản thân và chủ động lựa chọn giải pháp phù hợp, thay vì đưa ra lời khuyên hay quyết định thay thân chủ (Trần Thị Minh Đức, 2014). Xuất phát từ mục tiêu nghiên cứu là đánh giá các kỹ năng nghề nghiệp được sử dụng trong quá trình hỗ trợ học sinh, bài viết thống nhất sử dụng thuật ngữ “tham vấn tâm lý” khi đề cập đến hệ thống kỹ năng chuyên môn của cán bộ làm công tác tâm lý học đường, đồng thời sử dụng thuật ngữ “tư vấn tâm lý” khi viện dẫn các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Theo Trần Thị Minh Đức (2014), tham vấn tâm lý là quá trình tương tác nghề nghiệp giữa nhà tham vấn và thân chủ nhằm hỗ trợ thân chủ nhận diện vấn đề, hiểu bản thân và phát huy các nguồn lực để tự giải quyết khó khăn. Hiệu quả của quá trình tham vấn phụ thuộc không chỉ vào kiến thức chuyên môn mà còn vào hệ thống kỹ năng nghề nghiệp của người thực hiện tham vấn. Nhiều nghiên cứu đều khẳng định rằng kỹ năng tham vấn là yếu tố cốt lõi quyết định chất lượng mối quan hệ trợ giúp và hiệu quả của quá trình hỗ trợ tâm lý (Corey, 2017; Neukrug, 2016). Trên cơ sở các lý thuyết về tham vấn tâm lý và mô hình kỹ năng của Rogers (1957), Corey (2017), Neukrug (2016) và Trần Thị Minh Đức (2014), nghiên cứu này xác định sáu nhóm kỹ năng tham vấn cơ bản gồm: kỹ năng thiết lập mối quan hệ, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng quan sát, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thấu hiểu và kỹ năng phản hồi. Sáu nhóm kỹ năng này phản ánh các giai đoạn cơ bản của tiến trình tham vấn, từ việc xây dựng mối quan hệ trợ giúp, thu thập và xử lý thông tin đến hỗ trợ thân chủ nhận thức vấn đề và lựa chọn giải pháp phù hợp. Trong đó, kỹ năng thiết lập mối quan hệ tạo nền tảng cho sự tin cậy và hợp tác giữa học sinh với người tham vấn; kỹ năng đặt câu hỏi và quan sát giúp khai thác thông tin, nhận diện vấn đề và các biểu hiện tâm lý của học sinh; kỹ năng lắng nghe và thấu hiểu giúp người tham vấn tiếp nhận chính xác nội dung, cảm xúc và trải nghiệm của học sinh; còn kỹ năng phản hồi giúp học sinh nhìn nhận rõ hơn suy nghĩ, cảm xúc và hành vi của bản thân để chủ động giải quyết vấn đề. Do có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và cùng quyết định hiệu quả của quá trình tham vấn, sáu nhóm kỹ năng này được lựa chọn làm cơ sở lý luận để xây dựng công cụ khảo sát trong nghiên cứu.

Trong những năm gần đây, công tác tâm lý học đường tại Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực nhờ sự quan tâm của ngành giáo dục và việc ban hành các văn bản hướng dẫn triển

khai hoạt động tư vấn, tham vấn tâm lý trong nhà trường. Nhiều nghiên cứu đã tập trung làm rõ nhu cầu hỗ trợ tâm lý của học sinh, thực trạng công tác tâm lý học đường, năng lực tư vấn của giáo viên hoặc các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hỗ trợ tâm lý học sinh. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu mới dừng ở việc đánh giá hoạt động tư vấn hoặc năng lực thực hiện công tác tâm lý học đường nói chung, trong khi những nghiên cứu phân tích trực tiếp từng nhóm kỹ năng tham vấn nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ làm công tác tâm lý học đường còn khá hạn chế. Đặc biệt, chưa có nhiều nghiên cứu khảo sát một cách hệ thống sáu nhóm kỹ năng tham vấn cơ bản trên đội ngũ cán bộ làm công tác tâm lý học đường tại các trường trung học phổ thông ở Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng trống này làm hạn chế cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và phát triển năng lực tham vấn phù hợp với yêu cầu của hoạt động hỗ trợ tâm lý học sinh trong bối cảnh hiện nay.

Xuất phát từ khoảng trống nghiên cứu nêu trên, nghiên cứu "Thực trạng kỹ năng tham vấn tâm lý của cán bộ làm công tác tâm lý học đường tại các trường trung học phổ thông ở Thành phố Hồ Chí Minh" được thực hiện nhằm cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc phát triển năng lực tham vấn của đội ngũ cán bộ tâm lý học đường. Cụ thể, nghiên cứu hướng tới hai mục tiêu: (1) đánh giá mức độ thực hiện sáu nhóm kỹ năng tham vấn tâm lý của cán bộ làm công tác tâm lý học đường, gồm kỹ năng thiết lập mối quan hệ, đặt câu hỏi, quan sát, lắng nghe, thấu hiểu và phản hồi; (2) xác định sự khác biệt về mức độ thực hiện các kỹ năng tham vấn theo một số đặc điểm của khách thể nghiên cứu như giới tính, chức vụ và thâm niên công tác. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung minh chứng thực nghiệm về kỹ năng tham vấn tâm lý học đường, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác tâm lý học đường trong các trường trung học phổ thông.

2. Mẫu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trên 75 cán bộ đang trực tiếp thực hiện công tác tâm lý học đường tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Các khách thể tham gia nghiên cứu bao gồm những người đang đảm nhiệm hoạt động tham vấn tâm lý học đường cho học sinh dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong số 75 người tham gia khảo sát, 72 người cung cấp thông tin về thâm niên công tác và 3 người không cung cấp thông tin. Phân tích so sánh theo thâm niên chỉ sử dụng dữ liệu của 72 người có thông tin hợp lệ. Đặc điểm khách thể nghiên cứu được trình bày ở Bảng 1.

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy khách thể nghiên cứu gồm 75 cán bộ đang trực tiếp thực hiện công tác tâm lý học đường tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Về giới tính, nữ giới chiếm tỷ lệ chủ yếu với 80,0% (n = 60), trong khi nam giới chỉ chiếm 20,0% (n = 15). Điều này phản ánh đặc điểm phổ biến của lĩnh vực giáo dục và công tác tâm lý học đường hiện nay, khi nữ giới thường tham gia nhiều hơn vào các hoạt động hỗ trợ tâm lý và giáo dục học sinh.

Bảng 1. Đặc điểm khách thể nghiên cứu

		Tần số	**Tỷ lệ (%)**
Giới tính	Nam	15	20,0
	Nữ	60	80,0
	Tổng cộng	75	100,0
Chức vụ	Giáo viên kiêm nhiệm	46	61,3
	Người làm công tác tâm lý học đường	29	38,7
	Tổng cộng	75	100,0
Thâm niên làm công tác tâm lý học đường	Dưới 3 năm	4	5,3
	Từ 3 đến 6 năm	42	56,0
	Từ 6 đến 10 năm	26	34,7

Ghi chú: N = số lượng khách thể; % = tỷ lệ phần trăm.

Xét về chức vụ, nhóm giáo viên kiêm nhiệm công tác tâm lý học đường chiếm tỷ lệ cao nhất với 61,3% (n = 46), trong khi cán bộ chuyên trách làm công tác tâm lý học đường chiếm 38,7% (n = 29). Kết quả này cho thấy đội ngũ thực hiện công tác tâm lý học đường tại các trường trung học phổ thông hiện nay vẫn chủ yếu là giáo viên kiêm nhiệm, số lượng nhân sự chuyên trách còn tương đối hạn chế.

Về thâm niên làm công tác tâm lý học đường, đa số khách thể có thời gia công tác từ 3 đến 6 năm (56,0%; n = 42), tiếp đến là nhóm có thâm niên từ 6 đến 10 năm (34,7%; n = 26). Trong khi đó, số người có thời gian công tác dưới 3 năm chiếm tỷ lệ khá thấp với 5,3% (n = 4). Điều này cho thấy phần lớn khách thể đã có kinh nghiệm thực tiễn nhất định trong hoạt động tâm lý học đường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh giá tương đối chính xác thực trạng kỹ năng tham vấn tâm lý.

Nhìn chung, mẫu nghiên cứu có sự đa dạng về vị trí công tác và thâm niên nghề nghiệp, đồng thời tập trung chủ yếu ở những cán bộ đã có kinh nghiệm thực hiện công tác tâm lý học đường trong nhà trường. Mẫu nghiên cứu cung cấp những thông tin thực tiễn ban đầu về mức độ thực hiện kỹ năng tham vấn tâm lý của cán bộ làm công tác tâm lý học đường tại các trường được khảo sát.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện (convenience sampling) để lựa chọn khách thể nghiên cứu là những cán bộ đang trực tiếp thực hiện công tác tâm lý học đường tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Tiêu chí lựa chọn khách thể gồm: (1) đang đảm nhiệm công tác tâm lý học đường với vai trò cán bộ chuyên trách hoặc giáo viên kiêm nhiệm; (2) có thời gian trực tiếp tham gia hoạt động hỗ trợ tâm lý học sinh tại nhà trường; và (3) đồng ý tham gia nghiên cứu trên cơ sở tự nguyện.

Khảo sát được thực hiện từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2024 tại một số trường trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số phiếu khảo sát phát ra là 80 phiếu, thu về 80 phiếu, sau khi loại bỏ các phiếu không hợp lệ còn 75 phiếu hợp lệ, được sử dụng cho các phân tích thống kê.

Do nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện với quy mô mẫu còn hạn chế, kết quả nghiên cứu chủ yếu phản ánh đặc điểm của nhóm khách thể khảo sát và không nhằm khái quát cho toàn bộ đội ngũ cán bộ làm công tác tâm lý học đường tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng bảng hỏi do tác giả xây dựng trên cơ sở tổng hợp các tài liệu lý luận và các nghiên cứu về tham vấn tâm lý của Trần Thị Minh Đức (2014), Corey (2017), Neukrug (2016), đồng thời tham khảo các quy định về công tác tư vấn tâm lý trong trường phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các mệnh đề trong bảng hỏi được xây dựng theo nguyên tắc phản ánh những hành vi nghề nghiệp đặc trưng của cán bộ làm công tác tâm lý học đường trong quá trình thực hiện tham vấn học sinh.

Thang đo gồm 29 mệnh đề thuộc sáu nhóm kỹ năng tham vấn cơ bản, bao gồm: (1) kỹ năng thiết lập mối quan hệ (6 mệnh đề); (2) kỹ năng đặt câu hỏi (5 mệnh đề); (3) kỹ năng quan sát (4 mệnh đề); (4) kỹ năng lắng nghe (5 mệnh đề); (5) kỹ năng thấu hiểu (5 mệnh đề); và (6) kỹ năng phản hồi (4 mệnh đề). Mỗi nhóm kỹ năng được đánh giá thông qua các chỉ báo hành vi cụ thể, phản ánh mức độ thực hiện của cán bộ tâm lý học đường trong hoạt động tham vấn học sinh.

Các mệnh đề được đánh giá theo thang Likert 4 mức độ, từ 1 đến 4 điểm, tương ứng với: (1) Không thực hiện hoặc thực hiện ở mức thấp; (2) Thực hiện ở mức trung bình; (3) Thực hiện khá; và (4) Thực hiện tốt. Việc sử dụng thang đo bốn mức nhằm hạn chế xu hướng lựa chọn phương án trung lập, qua đó phản ánh rõ hơn mức độ thực hiện các kỹ năng tham vấn của khách thể nghiên cứu.

Bảng hỏi được thiết kế dưới hình thức tự đánh giá, trong đó khách thể tự phản ánh mức độ thực hiện các kỹ năng tham vấn tâm lý trong quá trình thực hiện công tác tâm lý học đường. Vì vậy, các kết quả của nghiên cứu phản ánh mức độ thực hiện kỹ năng tham vấn theo tự đánh giá của khách thể nghiên cứu, không phải là đánh giá trực tiếp năng lực thực hành thông qua quan sát hoặc các phương pháp đánh giá khách quan khác. Việc thu thập dữ liệu được thực hiện trên cơ sở

tự nguyện sau khi người tham gia được thông tin về mục đích nghiên cứu. Các bảng hỏi không ghi thông tin định danh; toàn bộ dữ liệu được mã hóa, bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học.

Độ tin cậy của thang đo được kiểm định bằng hệ số Cronbach's Alpha. Kết quả cho thấy các thang đo thành phần đều đạt độ tin cậy tốt.

Bảng 2. Độ tin cậy của các thang đo nghiên cứu

Thang đo	Số item	Cronbach's Alpha	Đánh giá
Kỹ năng thiết lập mối quan hệ	6	0,84	Tốt
Kỹ năng đặt câu hỏi	5	0,81	Tốt
Kỹ năng quan sát	4	0,79	Khá tốt
Kỹ năng lắng nghe	5	0,86	Tốt
Kỹ năng thấu hiểu	5	0,83	Tốt
Kỹ năng phản hồi	4	0,77	Chấp nhận được

Ghi chú: Cronbach's Alpha ≥ 0,70: đạt yêu cầu; Cronbach's Alpha ≥ 0,80: tốt; Cronbach's Alpha ≥ 0,90: rất tốt.

Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy tất cả các nhóm kỹ năng đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,70, chứng tỏ các biến quan sát trong từng thang đo có mức độ nhất quán nội tại tốt và phản ánh tương đối ổn định cùng một khái niệm nghiên cứu. Do đó, toàn bộ các mệnh đề được giữ lại để sử dụng trong các phân tích thống kê mô tả và so sánh ở các bước tiếp theo.

2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Sau khi thu thập, các phiếu khảo sát được kiểm tra, mã hóa và nhập liệu bằng phần mềm IBM SPSS Statistics 20.0. Dữ liệu được xử lý thông qua các phương pháp thống kê mô tả và thống kê suy luận phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.

Đối với thống kê mô tả, nghiên cứu sử dụng tần số, tỷ lệ phần trăm, điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC) để mô tả đặc điểm mẫu nghiên cứu cũng như đánh giá mức độ thực hiện các kỹ năng tham vấn tâm lý. Giá trị điểm trung bình của từng chỉ báo được tính trên cơ sở điểm số trung bình của các câu trả lời theo thang Likert bốn mức.

Việc đánh giá mức độ thực hiện các kỹ năng tham vấn được thực hiện theo nguyên tắc chia khoảng điểm đều trên thang đo từ 1 đến 4. Căn cứ vào khoảng cách giữa giá trị lớn nhất và nhỏ nhất của thang đo [(4 - 1)/4 = 0,75], điểm trung bình được phân thành bốn mức như sau: từ 1,00 đến 1,75 là mức "Không thực hiện hoặc thực hiện thấp"; trên 1,75 đến 2,50 là mức "Thực hiện trung bình"; trên 2,50 đến 3,25 là mức "Thực hiện khá"; và trên 3,25 đến 4,00 là mức "Thực hiện tốt". Việc phân chia này giúp thống nhất cách diễn giải kết quả và thuận lợi cho việc so sánh giữa các nhóm kỹ năng (bảng 3).

Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng kiểm định t-test độc lập để xem xét sự khác biệt về mức độ thực hiện kỹ năng tham vấn theo giới tính và chức vụ; sử dụng phân tích phương sai một yếu tố (One-way ANOVA) để đánh giá sự khác biệt theo thâm niên công tác. Mức ý nghĩa thống kê được xác định tại $p < 0,05$.

Bảng 3. Các mức độ lựa chọn và thang điểm quy đổi với các mức độ tương ứng

Các mức độ	Điểm quy đổi	
Thực hiện thấp	1	Mức 1: $1 < \overline{X} \leq 1,75$
Thực hiện trung bình	2	Mức 2: $1,75 < \overline{X} \leq 2,5$
Thực hiện khá	3	Mức 3: $2,5 < \overline{X} < 3,25$

Thực hiện tốt	4	Mức 4: 3,25 < $\overline{X}$ ≤4,0

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng chung về kỹ năng tham vấn tâm lý của cán bộ tâm lý học đường tại các trường trung học phổ thông ở Thành phố Hồ Chí Minh

Trước khi đánh giá mức độ thực hiện các kỹ năng tham vấn tâm lý cụ thể, nghiên cứu tiến hành khảo sát nhận thức của cán bộ tâm lý học đường về mức độ kỹ năng tham vấn hiện nay. Kết quả cho thấy có 34,7% khách thể đánh giá kỹ năng tham vấn của cán bộ tâm lý học đường ở mức tốt, 46,6% đánh giá ở mức khá và 18,7% đánh giá ở mức trung bình. Không có ý kiến nào cho rằng kỹ năng tham vấn của cán bộ tâm lý học đường ở mức yếu. Điều này cho thấy đa số cán bộ tâm lý học đường nhận thức được vai trò của các kỹ năng tham vấn và đánh giá tương đối tích cực về năng lực nghề nghiệp hiện nay của đội ngũ này.

Bảng 4. Thực trạng chung về mức độ thực hiện kỹ năng tham vấn tâm lý của cán bộ tâm lý học đường

STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Kỹ năng thiết lập mối quan hệ	3,06	0,28	1
2	Kỹ năng đặt câu hỏi	2,97	0,50	3
3	Kỹ năng quan sát	3,00	0,32	2
4	Kỹ năng lắng nghe	2,87	0,34	4
5	Kỹ năng thấu hiểu	2,75	0,35	5
6	Kỹ năng phản hồi	2,50	0,41	6
	ĐTB chung	**2,86**	**0,37**	

Kết quả nghiên cứu cho thấy kỹ năng tham vấn tâm lý của cán bộ làm công tác tâm lý học đường tại các trường trung học phổ thông ở Thành phố Hồ Chí Minh đạt mức khá (ĐTB = 2,86). Kết quả này phản ánh đội ngũ cán bộ tâm lý học đường đã có khả năng vận dụng tương đối hiệu quả các kỹ năng tham vấn cơ bản trong quá trình hỗ trợ học sinh. Tuy nhiên, mức độ thực hiện giữa các nhóm kỹ năng chưa đồng đều, cho thấy năng lực tham vấn vẫn còn những khoảng trống cần được tiếp tục bồi dưỡng.

Kết quả nghiên cứu phù hợp với nhận định của Huỳnh Văn Sơn (2019) khi cho rằng đội ngũ làm công tác tâm lý học đường ở Việt Nam đã có những bước phát triển đáng kể trong những năm gần đây, nhưng năng lực tham vấn vẫn chưa đồng đều giữa các cá nhân do sự khác biệt về trình độ đào tạo, điều kiện thực hành nghề nghiệp và cơ hội được bồi dưỡng chuyên môn. Điều này cho thấy việc phát triển hệ thống đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên vẫn là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tham vấn trong nhà trường.

3.2. Thực trạng kỹ năng thiết lập mối quan hệ trong quá trình tham vấn tâm lý

Theo tự đánh giá của khách thể nghiên cứu, kỹ năng thiết lập mối quan hệ là nhóm kỹ năng được đánh giá cao nhất trong số các kỹ năng tham vấn tâm lý của cán bộ tâm lý học đường. Điểm trung bình chung của nhóm kỹ năng này đạt 3,06, cho thấy cán bộ tâm lý học đường có khả năng tương đối tốt trong việc xây dựng mối quan hệ tin cậy với học sinh. Kết quả này phản ánh rằng phần lớn cán bộ tâm lý học đường nhận thức được tầm quan trọng của việc tạo dựng môi trường tâm lý an toàn, thân thiện và tôn trọng đối với học sinh. Việc thiết lập mối quan hệ tích cực giúp học sinh

cảm thấy được chấp nhận, giảm bớt lo lắng và sẵn sàng chia sẻ những khó khăn đang gặp phải. Đây cũng là nền tảng để triển khai các kỹ thuật tham vấn khác trong quá trình hỗ trợ học sinh.

Bảng 5. Mức độ thực hiện kỹ năng thiết lập mối quan hệ

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Làm cho học sinh cảm thấy an toàn và tin tưởng	3,17	0,57	1
CBTLHĐ giải thích rõ mục tiêu và nguyên tắc của quá trình tham vấn để học sinh cảm thấy tự tin và an tâm	3,13	0,70	2
Thể hiện sự quan tâm đến học sinh trong quá trình tham vấn	3,13	0,70	2
CBTLHĐ thể hiện khả năng lắng nghe, tôn trọng và chấp nhận ý kiến của học sinh mà không đánh giá hoặc phản bác	3,12	0,71	3
Khuyến khích học sinh chia sẻ thông tin một cách tự nhiên và không gò ép	3,08	0,71	4
Tạo không gian gần gũi và thoải mái với học sinh	2,96	0,74	5
ĐTB chung	**3,06**	**0,28**	

3.3. Thực trạng kỹ năng đặt câu hỏi trong quá trình tham vấn tâm lý

Bảng 6. Mức độ thực hiện kỹ năng đặt câu hỏi của cán bộ tâm lý học đường

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Tạo ra môi trường tương tác tích cực với học sinh	3,22	0,69	1
Các câu hỏi hướng tới khai thác thông tin liên quan đến vấn đề của học sinh	2,97	0,61	2
Khuyến khích sự chia sẻ và cảm thông với vấn đề của học sinh	2,92	0,69	3
Khơi gợi tiềm năng giải quyết vấn đề của học sinh	2,76	0,67	4
Giúp học sinh nhận thức về bản thân và hoàn cảnh	2,97	0,63	2
ĐTB chung	**2,97**	**0,50**	

Kết quả cho thấy kỹ năng đặt câu hỏi được thực hiện ở mức khá với ĐTB chung đạt 2,97. Nội dung được đánh giá cao nhất là khả năng tạo ra môi trường tương tác tích cực với học sinh (ĐTB = 3,22). Trong khi đó, khả năng khơi gợi tiềm năng giải quyết vấn đề của học sinh có điểm trung bình thấp nhất (ĐTB = 2,76). Điều này cho thấy cán bộ tâm lý học đường chủ yếu sử dụng câu hỏi để khai thác thông tin và duy trì tương tác, nhưng chưa thực sự phát huy tốt vai trò của câu hỏi trong việc thúc đẩy học sinh tự khám phá và tự giải quyết vấn đề.

3.4. Thực trạng kỹ năng quan sát trong quá trình tham vấn tâm lý

Kết quả ở Bảng 7 cho thấy kỹ năng quan sát của cán bộ tâm lý học đường được thực hiện ở mức khá với điểm trung bình chung đạt 3,00. Trong các biểu hiện được khảo sát, nội dung "Ghi nhớ các thông tin đã quan sát, tập trung và duy trì quan sát trong thời gian dài" được đánh giá cao nhất (ĐTB = 3,02), tiếp theo là "Chú ý đến hành vi, cách diễn đạt, tâm trạng và cảm xúc của học sinh" (ĐTB = 3,00). Hai nội dung "Quan tâm đến những biểu hiện bằng nét mặt, cử chỉ và hành vi phi ngôn ngữ của học sinh" và "Điều chỉnh ánh mắt phù hợp với tình huống tham vấn khi đang quan sát" cùng đạt ĐTB = 2,98.

Bảng 7. Mức độ thực hiện kỹ năng quan sát của cán bộ tâm lý học đường

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Ghi nhớ các thông tin đã quan sát, tập trung và duy trì quan sát trong thời gian dài	3,02	0,73	1
Chú ý đến hành vi, cách diễn đạt, tâm trạng và cảm xúc của học sinh	3,00	0,63	2
Quan tâm đến những biểu hiện bằng nét mặt, cử chỉ và hành vi phi ngôn ngữ của học sinh	2,98	0,66	3

Điều chỉnh ánh mắt phù hợp với tình huống tham vấn khi đang quan sát	2,98	0,68	3
ĐTB chung	**3,00**	**0,32**	

Kết quả này cho thấy cán bộ tâm lý học đường đã có khả năng tương đối tốt trong việc nhận diện và theo dõi các biểu hiện tâm lý của học sinh thông qua cả hành vi ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. Đây là cơ sở quan trọng giúp cán bộ tâm lý học đường hiểu rõ hơn những khó khăn và trạng thái cảm xúc của học sinh trong quá trình tham vấn.

3.5. Thực trạng kỹ năng lắng nghe trong quá trình tham vấn tâm lý

Bảng 8. Mức độ thực hiện kỹ năng lắng nghe của cán bộ tâm lý học đường

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Trong quá trình lắng nghe không phản bác, phê phán và suy diễn hay dự đoán vấn đề của học sinh	2,94	0,76	1
Dùng những câu nói để thể hiện sự động viên, khuyến khích học sinh	2,92	0,80	2
Sử dụng cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ để thể hiện sự quan tâm và khích lệ học sinh	2,90	0,75	3
Tập trung vào vấn đề học sinh đang trình bày, im lặng để nghe và không ngắt lời	2,89	0,68	4
Tiếp nhận cảm xúc của học sinh và cảm thông với những cảm xúc ẩn sau các sự kiện và suy nghĩ mà học sinh chia sẻ	2,70	0,71	5
ĐTB chung	**2,87**	**0,34**	

Kỹ năng lắng nghe được đánh giá ở mức khá với điểm trung bình chung đạt 2,87. Nội dung được thực hiện tốt nhất là "Trong quá trình lắng nghe không phản bác, phê phán và suy diễn hay dự đoán vấn đề của học sinh" (ĐTB = 2,94). Tiếp theo là việc sử dụng các lời động viên, khuyến khích học sinh chia sẻ (ĐTB = 2,92). Tuy nhiên, nội dung "Tiếp nhận cảm xúc của học sinh và cảm thông với những cảm xúc ẩn sau các sự kiện và suy nghĩ mà học sinh chia sẻ" có điểm trung bình thấp nhất (ĐTB = 2,70). Điều này cho thấy cán bộ tâm lý học đường đã thực hiện khá tốt việc lắng nghe ở mức độ hành vi nhưng khả năng lắng nghe sâu và thấu cảm cảm xúc của học sinh vẫn còn những hạn chế nhất định.

3.6. Thực trạng kỹ năng thấu hiểu trong quá trình tham vấn tâm lý

Bảng 9. Mức độ thực hiện kỹ năng thấu hiểu của cán bộ tâm lý học đường

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Có sự trao đổi với học sinh về những điều mà cán bộ tâm lý học đường đã hiểu	2,92	0,73	1
Tôn trọng những giá trị, trải nghiệm của học sinh	2,86	0,70	2
Quan tâm đầu tiên đến nhu cầu của học sinh	2,70	0,67	3
Cảm nhận và hiểu những cảm xúc, những điều mà học sinh đã trải qua	2,54	0,67	4
Đặt mình vào hoàn cảnh của học sinh và đánh giá đúng vấn đề của học sinh	2,53	0,64	5
ĐTB chung	**2,75**	**0,45**	

Kết quả khảo sát cho thấy kỹ năng thấu hiểu được thực hiện ở mức khá với điểm trung bình chung đạt 2,75. Biểu hiện được đánh giá cao nhất là việc trao đổi với học sinh về những điều mà cán bộ tâm lý học đường đã hiểu (ĐTB = 2,92). Tiếp theo là sự tôn trọng các giá trị và trải nghiệm của học sinh (ĐTB = 2,86). Ngược lại, hai nội dung "Đặt mình vào hoàn cảnh của học sinh và đánh giá đúng vấn đề của học sinh" (ĐTB = 2,53) và "Cảm nhận và hiểu những cảm xúc,

những điều mà học sinh đã trải qua" (ĐTB = 2,54) có điểm trung bình thấp nhất. Kết quả này cho thấy khả năng đồng cảm sâu sắc với hoàn cảnh và trải nghiệm của học sinh vẫn là một thách thức đối với nhiều cán bộ tâm lý học đường hiện nay.

3.7. Thực trạng kỹ năng phản hồi trong quá trình tham vấn tâm lý

Bảng 10. Mức độ thực hiện kỹ năng phản hồi của cán bộ tâm lý học đường

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Quan sát và lắng nghe để hiểu những suy nghĩ và cảm xúc của học sinh được thể hiện thông qua hành vi	2,61	0,76	1
Tóm lược hoặc diễn giải lại những chia sẻ của học sinh liên quan đến cảm xúc hoặc nội dung mà không kèm theo đánh giá	2,53	0,62	2
Trao đổi và tóm lược lại với học sinh về suy nghĩ và cảm xúc của học sinh	2,50	0,71	3
Quan sát và chú ý đến phản ứng của học sinh nhằm đánh giá lại mức độ hiệu quả của phản hồi đã đưa ra	2,40	0,65	4
ĐTB chung	**2,50**	**0,41**	

Kỹ năng phản hồi là nhóm kỹ năng có điểm trung bình thấp nhất trong các kỹ năng tham vấn tâm lý được khảo sát (ĐTB = 2,50). Nội dung được đánh giá cao nhất là khả năng quan sát và lắng nghe để hiểu những suy nghĩ và cảm xúc của học sinh được thể hiện thông qua hành vi (ĐTB = 2,61). Trong khi đó, việc quan sát phản ứng của học sinh nhằm đánh giá hiệu quả của phản hồi đã đưa ra chỉ đạt ĐTB = 2,40. Kết quả này cho thấy cán bộ tâm lý học đường còn gặp nhiều khó khăn trong việc sử dụng các kỹ thuật phản hồi chuyên sâu. Đây là hạn chế cần được quan tâm trong các chương trình đào tạo và bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tham vấn tâm lý học đường trong thời gian tới.

4. Bàn luận

Cần lưu ý rằng các kết quả của nghiên cứu phản ánh mức độ thực hiện kỹ năng tham vấn theo tự đánh giá của khách thể nghiên cứu. Do chưa sử dụng các phương pháp đánh giá khách quan như quan sát quá trình tham vấn, đánh giá của học sinh hoặc chuyên gia, kết quả chưa phản ánh đầy đủ năng lực thực hành của cán bộ làm công tác tâm lý học đường trong các tình huống tham vấn thực tế.

Kết quả nghiên cứu cho thấy kỹ năng tham vấn tâm lý của cán bộ làm công tác tâm lý học đường tại các trường trung học phổ thông ở Thành phố Hồ Chí Minh đạt mức khá (ĐTB = 2,86). Kết quả này phản ánh đội ngũ cán bộ tâm lý học đường đã bước đầu đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của hoạt động hỗ trợ tâm lý học sinh trong nhà trường. Phát hiện này tương đối phù hợp với nhận định của Huỳnh Văn Sơn (2019) khi cho rằng hoạt động tâm lý học đường ở Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực trong những năm gần đây, song năng lực tham vấn của đội ngũ thực hiện công tác này vẫn chưa đồng đều do sự khác biệt về trình độ chuyên môn, cơ hội đào tạo và kinh nghiệm thực hành nghề nghiệp. Điều đó cho thấy, mặc dù hoạt động tâm lý học đường đã được quan tâm hơn trước, việc phát triển năng lực tham vấn cho đội ngũ cán bộ vẫn là yêu cầu cần tiếp tục được chú trọng.

Trong các nhóm kỹ năng được khảo sát, kỹ năng thiết lập mối quan hệ có điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 3,06). Đây là kết quả phù hợp với đặc điểm của hoạt động tham vấn tâm lý, bởi việc xây dựng mối quan hệ trợ giúp được xem là nền tảng của toàn bộ tiến trình tham vấn. Theo Rogers (1957), mối quan hệ tham vấn hiệu quả được hình thành trên cơ sở sự chân thực, chấp nhận vô điều kiện và thấu cảm. Khi học sinh cảm thấy được tôn trọng và an toàn, các em sẽ dễ dàng chia sẻ những khó khăn tâm lý của bản thân. Kết quả này cho thấy cán bộ làm công tác tâm lý học đường đã nhận thức được vai trò quan trọng của việc tạo dựng sự tin cậy và môi trường giao tiếp tích cực với học sinh. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của Hoàng Anh

Phước (2012), trong đó tác giả nhấn mạnh rằng việc thiết lập mối quan hệ trợ giúp là điều kiện tiên quyết để hình thành quá trình tham vấn hiệu quả. Trong môi trường học đường, khi học sinh cảm nhận được sự tôn trọng, an toàn và tin cậy từ người tham vấn, các em có xu hướng cởi mở hơn trong việc chia sẻ những khó khăn về học tập, cảm xúc và các mối quan hệ xã hội. Điều này cho thấy kỹ năng thiết lập mối quan hệ không chỉ là bước khởi đầu của tiến trình tham vấn mà còn là nền tảng để phát huy hiệu quả của các kỹ năng tham vấn khác.

Kỹ năng quan sát (ĐTB = 3,00) và kỹ năng đặt câu hỏi (ĐTB = 2,97) cũng được đánh giá ở mức khá cao. Kết quả này cho thấy cán bộ tâm lý học đường đã sử dụng khá hiệu quả kỹ năng đặt câu hỏi trong việc thu thập thông tin và duy trì quá trình trao đổi với học sinh. Tuy nhiên, khả năng sử dụng câu hỏi nhằm khơi gợi học sinh tự nhận thức và tự tìm kiếm giải pháp còn hạn chế. Phát hiện này phù hợp với quan điểm của Corey (2017), theo đó câu hỏi trong tham vấn không chỉ nhằm khai thác thông tin mà còn có chức năng thúc đẩy thân chủ tự khám phá bản thân và phát huy nguồn lực cá nhân để giải quyết vấn đề.

Kỹ năng lắng nghe đạt mức khá (ĐTB = 2,87) nhưng thấp hơn so với các kỹ năng nêu trên. Theo Neukrug (2016), lắng nghe trong tham vấn không chỉ là tiếp nhận thông tin mà còn là khả năng hiểu được cảm xúc, ý nghĩa và nhu cầu ẩn chứa trong lời nói của thân chủ. Điều này đòi hỏi người tham vấn phải có sự tập trung, khả năng đồng cảm và kinh nghiệm thực hành nhất định. Kết quả nghiên cứu cho thấy mặc dù cán bộ tâm lý học đường đã thực hiện tương đối tốt việc lắng nghe học sinh, song việc tiếp nhận và thấu cảm sâu sắc với những cảm xúc tiềm ẩn vẫn còn là một thách thức.

Kỹ năng thấu hiểu có điểm trung bình thấp hơn (ĐTB = 2,75). Kết quả nghiên cứu cho thấy kỹ năng lắng nghe và kỹ năng thấu hiểu đều có điểm trung bình thấp hơn so với các kỹ năng thiết lập mối quan hệ, quan sát và đặt câu hỏi. Điều này phản ánh rằng cán bộ tâm lý học đường đã thực hiện khá tốt các kỹ năng mang tính giao tiếp và thu thập thông tin, nhưng vẫn gặp khó khăn ở các kỹ năng đòi hỏi chiều sâu về chuyên môn và sự đồng cảm. Kết quả này phù hợp với nhận định của Trần Thị Minh Đức (2014) khi cho rằng lắng nghe thấu cảm và thấu hiểu là những kỹ năng khó hình thành nhất trong tham vấn tâm lý vì đòi hỏi người tham vấn phải kết hợp kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm thực hành và khả năng tự nhận thức nghề nghiệp.

Trong các kỹ năng được khảo sát, kỹ năng phản hồi có điểm trung bình thấp nhất (ĐTB = 2,50). Việc kỹ năng phản hồi có điểm trung bình thấp nhất cũng là kết quả có thể lý giải từ đặc điểm của quá trình tham vấn. Theo Corey (2017), phản hồi là kỹ năng tổng hợp, được hình thành trên cơ sở phối hợp hiệu quả giữa quan sát, lắng nghe và thấu hiểu. Do đó, khi các kỹ năng lắng nghe thấu cảm và thấu hiểu chưa thực sự thành thạo thì chất lượng phản hồi cũng khó đạt hiệu quả cao. Kết quả này cho thấy các chương trình đào tạo và bồi dưỡng cán bộ tâm lý học đường cần ưu tiên phát triển các kỹ năng tham vấn chuyên sâu thay vì chỉ tập trung vào các kỹ năng giao tiếp ban đầu.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy đội ngũ cán bộ làm công tác tâm lý học đường tại các trường trung học phổ thông ở Thành phố Hồ Chí Minh đã có khả năng thực hiện khá tốt các kỹ năng tham vấn cơ bản, đặc biệt là thiết lập mối quan hệ, quan sát và đặt câu hỏi. Tuy nhiên, các kỹ năng đòi hỏi chiều sâu nghề nghiệp như lắng nghe thấu cảm, thấu hiểu và phản hồi vẫn còn nhiều hạn chế. Kết quả này vừa phản ánh thực trạng năng lực tham vấn của đội ngũ hiện nay, vừa gợi ý những nội dung cần ưu tiên trong các chương trình đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn. Đồng thời, đây cũng là cơ sở thực tiễn để các nhà quản lý giáo dục xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ tâm lý học đường theo hướng chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động hỗ trợ tâm lý học sinh trong nhà trường.

5. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy kỹ năng tham vấn tâm lý của cán bộ làm công tác tâm lý học đường tại các trường trung học phổ thông ở Thành phố Hồ Chí Minh đạt mức khá. Trong đó, các kỹ năng thiết lập mối quan hệ, quan sát và đặt câu hỏi được thực hiện tốt hơn so với các kỹ năng lắng nghe, thấu hiểu và phản hồi. Đặc biệt, kỹ năng phản hồi là kỹ năng còn nhiều hạn chế nhất trong số các nhóm kỹ năng được khảo sát.

Từ kết quả nghiên cứu, có thể thấy nhu cầu tiếp tục nâng cao năng lực tham vấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác tâm lý học đường, đặc biệt đối với các kỹ năng tham vấn chuyên sâu như lắng nghe, thấu hiểu và phản hồi. Đồng thời, cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và phát triển đội ngũ cán bộ tâm lý học đường chuyên trách nhằm nâng cao chất lượng hỗ trợ tâm lý cho học sinh trong các trường trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Thông tư số 31/2017/TT*-BGDĐT ngày 18 tháng 12 năm 2017 về hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông.

2. Trần Thị Minh Đức (2014). *Giáo trình tham vấn tâm lý*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Hoàng Anh Phước (2012). Kỹ năng tham vấn của cán bộ tham vấn học đường. *Luận án Tiến sĩ Tâm lý học*. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

4. Huỳnh Văn Sơn (2019). *Phát triển năng lực tham vấn cho cán bộ tư vấn học đường: Thực trạng và giải pháp*. Trong Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia về Tư vấn học đường (tr. 122-130).

Tài liệu tiếng Anh

5. Corey, G. (2017). *Theory and practice of counseling and psychotherapy* (10th ed.). Boston, MA: Cengage Learning.

6. Neukrug, E. (2016). *The world of the counselor: an introduction to the counseling profession* (5th ed.). Boston, MA: Cengage Learning.

7. Nunnally, J. C., & Bernstein, I. H. (1994). *Psychometric theory* (3rd ed.). New York, NY: McGraw-Hill.

8. Rogers, C. R. (1957). The necessary and sufficient conditions of therapeutic personality change. *Journal of Consulting Psychology, 21*(2), 95-103.

9. World Health Organization. (2021). *Adolescent mental health.* Geneva: World Health Organization.